

Bản án số: 26/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22 - 3 - 2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trọng Tảo, bà Trương Thị Dung.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nam – Thư ký Toà án nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định.

Ngày 22/3/2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 234/2023/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 234/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/03/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Mỹ H, sinh năm 1998;

Địa chỉ: Thôn Mai Độ Vị, xã Yên Tân, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Đỗ Khánh T, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Thôn Mai Độ Vị, xã Yên Tân, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Vắng mặt chị H, anh T (chị H có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, anh T vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn chị Phạm Thị Mỹ H trình bày: Chị và anh Đỗ Khánh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Yên Tân, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định ngày 23/5/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì giữa chị và anh T xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên không tìm được Tg nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng nên cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng. Chị đã chủ động về nhà bố mẹ đẻ sinh sống nên hiện tại anh, chị đang sống ly thân nhau. Chị xác định tình cảm giữa chị và anh T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định giải quyết ly hôn với anh Đỗ Khánh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Đỗ Tuyết V, sinh ngày 10/3/2020. Khi ly hôn chị có nguyện vọng nhường quyền nuôi dưỡng con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng, giấy triệu tập anh T đến làm việc, anh T cho biết: Anh và chị Phạm Thị Mỹ H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Yên Tân, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định ngày 23/5/2019. Quá trình chung sống giữa anh và chị H không có mâu thuẫn gì lớn, đôi lúc có bất đồng quan điểm nhưng không đến mức trầm trọng, chị H chủ động sống ly thân anh. Anh xác định vẫn còn tình cảm với chị H, anh vẫn còn yêu thương vợ, con nên không mong muốn vợ chồng ly hôn nhau. Anh đề nghị Tòa án tạo điều kiện để vợ chồng anh có cơ hội hàn gắn đoàn tụ, để con được chung sống cùng cả bố và mẹ.

Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung là cháu Đỗ Tuyết V, sinh ngày 10/3/2020 hiện nay đang ở cùng anh. Trường hợp chị H kiên quyết xin ly hôn, anh có nguyện vọng xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tòa án đã ra Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại buổi làm việc, chị H có mặt, anh T vắng mặt. Chị H có đơn đề nghị Tòa án không T hành hòa giải nên Tòa án không T hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh T theo quy định tại khoản 3 Điều 210 và ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa:

Chị H có đơn đề nghị xin giải quyết vắng mặt. Anh T mặc dù được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Chủ tọa phiên tòa công bố đơn của chị H đề nghị xét xử vắng mặt. Vụ án được xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án chị H có đề nghị xin xét xử vắng mặt, anh T mặc dù được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn T hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Mỹ H và anh Đỗ Khánh T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 23/5/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Yên Tân, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc cho tới thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do giữa anh, chị không tìm được Tg nói chung, bất đồng quan điểm, hay xảy ra va chạm dẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc. Chị H đã chủ động về nhà mẹ đẻ sinh sống và hiện nay anh, chị đang sống ly thân nhau. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên kiên quyết xin ly hôn với anh T. Về phía anh T, mặc dù không muốn ly hôn, muốn được đoàn tụ, tuy nhiên trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án anh T cũng không tìm ra được biện pháp gì để thuyết phục chị H đoàn tụ, chị H vẫn không thay đổi quan điểm, vẫn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Chị H đề nghị Tòa án không T hành hoà giải vụ án và kiên quyết xin ly hôn anh T nên Tòa án không thể gắn kết hạnh phúc cho anh chị được. Xét thấy, anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không có, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn của chị H, xử cho anh chị ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung là cháu Đỗ Tuyết V, sinh ngày 10/3/2020 hiện nay đang ở cùng anh T. Việc chăm sóc, nuôi dạy con chung chưa thành niên là trách nhiệm, nghĩa vụ, là quyền lợi của cha mẹ. Xét thấy, anh T và chị H thống nhất việc để anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần tiếp tục giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng để con chung phát triển tốt nhất về thể chất và tinh thần. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị H, anh T không yêu cầu giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Các đương phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30

tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị Mỹ H và anh Đỗ Khánh T.

2. Về con chung: Giao con chung là Đỗ Tuyết V, sinh ngày 10/3/2020 cho anh Đỗ Khánh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Phạm Thị Mỹ H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Mỹ H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003413, ngày 10/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên, chị H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo của đương sự: Chị Phạm Thị Mỹ H và anh Đỗ Khánh T được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh+Huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- UBND xã Yên Tân;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Minh